TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẨM PHẢ** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/DS-ST
Ngày 30 - 9 - 2021
"V/v: Đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ, TỈNH QUẢNG NINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà : Bà Cao Thị Lan Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Mai Tường Vi và ông Bùi Đăng Triệu.

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Huệ - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cẩm Phả.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Quỳnh Loan-Kiểm sát viên.

Trong các ngày 30/8/2021, 15/9/2021, 24/9/202 và từ 27/9/2021-30/9/2021 tại Phòng xử án - Toà án nhân dân thành phố Cẩm Phả xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 29/2020/TLST - DS ngày 26/10/2020 về việc "*Đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2021/QĐXXST- DS ngày 12 tháng 8 năm 2021 và các quyết định tạm ngừng phiên tòa số 02 ngày 30/8/2021; số 03 ngày 15/9/2021 và số 04 ngày 24/9/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Hà Văn N; Địa chỉ: Xóm M, thôn I, xã H, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

Người được ủy quyền: Ông Hà Công Đ; Địa chỉ: Xóm M, thôn I, xã H, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh- có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Hà Văn H; Địa chỉ: Xóm H, thôn G, xã H, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh – có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Chị Lộc Thị H; Địa chỉ: Xóm M, thôn I, xã H, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Công Đ; Địa chỉ: Xóm M, thôn I, xã H, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh- có mặt.

+ Chị Đinh Thị H1; Địa chỉ: Xóm H, thôn G, xã H, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. Người đại diện theo ủy quyền là anh Hà Văn H; Địa chỉ: Xóm H, thôn G, xã H, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh- có mặt.

+ Ông Hà Văn C**;** Địa chỉ: Xóm H, thôn G, xã H, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. (**ông C chết ngày 07/9/2021**). Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông C gồm:

1. Chị Hà Thị S; Nơi ĐKHKTT: Tổ X, khu c, phường D, Cẩm Phả, Quảng Ninh; chỗ ở hiện nay: Xóm H, thôn G, xã H, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

2. Anh Hà Văn H; Địa chỉ: Xóm H, thôn G, xã H, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

3. Chị Hà Thị T; Địa chỉ: Tổ N, khu N, phường D, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

4. Chị Hà Thị L; Địa chỉ: Tổ N, khu N, phường D, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

5. Chị Hà Thị Y; Địa chỉ: Xóm H, thôn I, xã H, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

6. Chị Hà Thị A; Địa chỉ: Xóm H, thôn G, xã H, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

7. Anh Hà Văn U; Địa chỉ: Xóm H, thôn G, xã H, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

Chị Hà Thị S, Hà Thị T, Hà Thị L, Hà Thị Y, Hà Thị A và anh Hà Văn U đều ủy quyền cho anh Hà Văn H (đồng thời là bị đơn); Địa chỉ: Xóm H, thôn G, xã H, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh- tham gia tố tụng- có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/9/2020, đơn khởi kiện bổ sung và lời khai tại tòa án nguyên đơn trình bày: Anh Hà Văn N được Ủy ban nhân dân thị xã Cẩm Phả (nay là thành phố Cẩm Phả) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 974911 vào sổ cấp giấy CNQSD đất số 444/QSDĐ ngày 04/12/2000 (sau đây viết tắt: GCNQSD đất số 444) với diện tích đất 25.000m^2 đất trồng rừng, sản xuất nông lâm kết hợp thời hạn là 20 năm tại khu vực S, K(nay thuộc thôn Ngoài) xã Cộng Hòa, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. Diện tích đất được cấp cho anh N gồm 07 ngọn đồi. Đất lâm nghiệp trên 15^0 là 25.000m^2. Phần đất liền kề (chưa được cấp GCNQSD đất) thường gọi đất dưới 15^0. Anh N đã trồng keo trên 5 quả đồi được cấp giấy và cả phần đất liền kề đất dưới 15^0 chưa được cấp giấy. Đến năm 2007, anh N trồng đến phần đất thuộc quả đồi thứ 6 và thứ 7 của mình được cấp giấy thì anh Hà Văn H cũng đang phát nương để trồng keo trên phần đất của anh N được cấp giấy. Anh H trồng keo trên tổng diện tích là

16.520m^2 (cả phần đất lâm nghiệp trên 15^0 và dưới 15^0) là việc lấn chiếm trái phép đến quyền sử dụng đất của anh N, nay đề nghị anh H phải trả cho anh N 4952,2m^2 đất (theo GCNQSD đất số 444 anh N được cấp) và phần đất liền kề dưới 15^0 là 11.567,8m^2. Buộc anh H phải chặt (thu hoạch) keo để trả lại đất cho anh N, nếu anh H không đồng ý thu hoạch keo ngay, anh N sẽ sở hữu số keo trên và thanh toán cho anh H theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn xin rút yêu cầu đòi lại phần diện tích đất 11.567,8m^2 và chặt cây trên phần đất trên ngoài GCNQSD đất số 444.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Lộc Thị H có quan điểm như quan điểm của nguyên đơn.

Ý kiến trình bày của bị đơn anh Hà Văn H: Anh thừa nhận vợ chồng anh và ông C đang trồng keo trên 2 quả đồi số 6 và số 7 cũng như phần đất liền kề thường gọi là đất dưới 15^0 như đại diện nguyên đơn trình bày. Gia đình anh không đồng ý trả đất và thu hoạch keo trên phần đất đó trả lại đất anh N với lý do: Năm 2000 khi anh đã có đơn xin cấp đất rừng đã được Ủy ban xã Cộng Hòa xác nhận đồng ý. Đến năm 2001, phòng tài nguyên môi trường đo đất để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp thì lúc đó anh N không tranh chấp gì với anh và Ủy ban nhân dân xã Cộng Hòa không thông báo gì cho anh biết diện tích anh đang xin cấp giấy chứng nhận đã được Ủy ban nhân dân thành phố Cẩm Phả cấp cho anh N vì vậy anh vẫn tiếp tục trồng Keo. Anh không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của anh N. Anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Đinh Thị H1 (vợ anh H) có ý kiến như ý kiến của anh Hà Văn H.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hà Văn C (bố đẻ anh H) có lời khai tại hồ sơ thể hiện ý kiến: Năm 2007 ông cùng vợ chồng anh H trồng keo trên phần đất anh N, anh H đang tranh chấp. Ông có quan điểm như quan điểm của anh Hà Văn H.

Kết qủa xem xét, thẩm định tại chỗ: Các đương sự nhất trí với kết quả thẩm định, xem xét tại chỗ và kết quả định giá tài sản. Theo chỉ dẫn của đại diện nguyên đơn và bị đơn tại buổi thẩm định xem xét tại chỗ tài sản tranh chấp ngày 30/11/2020: Thửa đất tranh chấp có diện tích 16.520m^2 trồng tổng cộng 5.177 cây keo tai tượng. Tại phiên tòa, các đương sự thống nhất với nhau về số lượng cây keo tai tượng được anh H trồng trên phần diện tích đất 4952,2m^2 mà anh N được cấp GCNQSD đất số 444 là 1552 cây, trị giá 25.161.700đồng (cách tính số cây được tính tóan theo phương pháp thực hiện việc lấy phiếu điều tra tại buổi thẩm định xem xét tại chỗ ngày 30/11/2020 và giá của cây được tính toán trên cơ sở giá tại biên bản định giá ngày 08/12/2020).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có quan điểm: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã cơ bản chấp hành, đầy đủ đúng việc thụ lý vụ án về trình tự, thủ tục, thẩm quyền. Xác định đúng mối quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn giải

quyết, quyết định đưa vụ án ra xét xử, hoạt động giải quyết của thẩm phán đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án, thư ký thực hiện đúng quy định tại Điều 51 BLTTDS.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ theo khoản 16 Điều 3, Điều 26, Điều 166 Luật đất đai năm 2013, Điều 164, 166 BLDS chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về buộc bị đơn anh Hà Văn H trả lại phần diện tích đất tại quả đồi số 6+7 mà anh N đã được cấp giấy chứng nhận đang bị lấn chiếm cho anh N (diện tích 4952,2m^2). Anh Hà Văn N được quyền sở hữu số cây 1552 cây keo tai tượng trồng trên phần diện tích đất trên và buộc anh N phải hoàn trả giá trị số 1552 cây keo tai tượng trị giá 25.161.700 đồng cho anh H và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Đình chỉ phần rút yêu cầu khởi kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 244 BLTTDS.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

- Quan hệ tranh chấp: Tranh chấp giữa anh Hà Văn N và anh Hà Văn H là tranh chấp về dân sự, anh Hà Văn N đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có yêu cầu anh Hà Văn H đòi lại phần đất lấn chiếm nên xác định là "Tranh chấp đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả quy định tại khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đưa UBND thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh vào tham gia tố tụng, tuy nhiên xét UBND thành phố Cẩm Phả là cơ quan quản lý nhà nước đã cung cấp thông tin, văn bản trả lời theo thẩm quyền do đó thấy không cần thiết để UBND thành phố tham gia với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Quá trình xét xử vụ án, Tòa án tạm ngừng phiên tòa ngày 30/8/2021 và tiếp tục xét xử vào ngày 15/9/2021. Tuy nhiên, ngày 07/9/2021 ông Hà Văn C- với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chết, Tòa án đưa 07 người con của ông C tham gia tố tụng với tư cách người kế thừa nghĩa vụ tố tụng của ông C.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1] Đối với yêu cầu đòi lại quyền sử dụng đất của nguyên đơn: Ngày 04/12/2000 anh Hà Văn N được Ủy ban nhân dân thị xã Cẩm Phả (nay là thành phố Cẩm Phả) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 974911 vào sổ cấp

GCNQSD đất số 444 với diện tích 25.000m^2 đất trồng rừng sản xuất nông, lâm kết hợp với thời hạn là 20 năm tại khu vực S, K nay thuộc thôn Ngoài, xã Cộng Hòa, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. Việc cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho anh N được UBND thành phố Cẩm Phả xác định là đúng trình tự, thủ tục của pháp luật. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là chứng thư pháp lý để nhà nước xác nhận quyền sử dụng đất hợp pháp của anh Hà Văn N đối với diện tích 25.000m^2 đất của mình. Anh N đã thực hiện việc trồng cây Keo tai tượng trên phần đất được cấp và phần đất chân đồi liền kề với phần đất được cấp. Còn lại một phần diện tích 4952,2 m^2 anh Hà Văn H tự ý phát cây trồng Keo do đó anh N khởi kiện yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình là có cơ sở xem xét.

Anh Hà Văn H cho rằng phần đất anh, chị Hiền, ông C đang trồng cây keo là phần đất năm 2000 anh đã xin cấp đất và được UBND xã Cộng Hòa xác nhận. Đối với "Đơn xin nhận đất trồng rừng" của anh Hà Văn H giao nộp cho Tòa án có xác nhận của ban địa chính xã Cộng Hòa, thành phố Cẩm Phả ngày 27/10/2000 chỉ là thủ tục hành chính ban đầu thể hiện nguyện vọng xin cấp đất của cá nhân, hộ gia đình xin cấp đất, không phải là chứng thư pháp lý để xác định quyền sử dụng đất hợp pháp của chủ thể được nhà nước công nhận và phù hợp với trả lời tại công văn số 259/CV-UBND ngày 19/8/2021 của UBND xã Cộng Hòa, thành phố Cẩm Phả.

Tại biên bản thẩm định xem xét tại chỗ ngày 30/11/2020, phần thực tế anh H, chị Hiền, ông C đang trồng keo tai tượng trên tổng diện tích là 16.520m^2.Trong đó, có **4952,2m^2** (trong đó có 1 phần diện tích là 3337,4m^2 và 1 phần diện tích là 1614,8m^2) anh N đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, còn lại (11.567,8m^2) anh N chưa được nhà nước cấp giấy. Như vậy, việc anh H trồng cây trên phần diện tích đất **4952,2m^2** mà anh N được nhà nước giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là việc chiếm hữu, sử dụng trái phép tài sản là quyền sử dụng đất của anh N đã được nhà nước công nhận nên anh N khởi kiện đòi lại phần diện tích đất trên là có căn cứ xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu của anh N theo quy định tại Điều 166 Luật đất đai năm 2013, Điều 166 bộ luật dân sự năm 2015.

[2.2] Về tài sản trên đất gồm: Toàn bộ số cây trồng trên diện tích 4952,2m^2 mà anh N được cấp GCNQSD đất mà anh H, chị H1, ông C sử dụng để trồng keo tai tượng với tổng số 1552 cây trị giá 25.161.700 đồng. Tại phiên tòa, anh H với tư cách là bị đơn và đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không đồng ý thu hoạch keo trả đất cho anh N.

Anh Hà Văn N và chị Lộc Thị H kết hôn năm 2003, cùng sản xuất nông nghiệp, nay chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh N buộc anh H, chị Hiền, ông C trả lại đất cho anh N, xét số cây trồng trên đất là tài sản có giá trị nên cần giao cho anh N, chị H được quyền sở hữu số cây trên và buộc vợ chồng anh N, chị H phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho anh H, chị H1, ông C giá trị toàn bộ số cây trồng trên để đảm bảo quyền lợi cho họ. Đối với phần quyền và nghĩa vụ ông C phải thực hiện thì chị Hà Thị S, Hà Thị T, Hà Thị L, Hà Thị Y, Hà Thị A, anh Hà Văn U, anh Hà Văn H thực hiện quyền và nghĩa vụ thay ông C. Tại phiên tòa, anh Hà Văn H có ý kiến đề nghị tự thỏa thuận với chị Hiền, và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông C về việc tự phân chia giá trị tiền cây được thanh toán (25.161.700 đồng), không yêu cầu Tòa án giải quyết, nếu có tranh chấp sẽ khởi kiện sau bằng vụ án khác nên không đề cập giải quyết.

Giấy CNQSD đất của anh N có thời hạn 20 năm, đến nay anh N vẫn có nhu cầu sử dụng đất nên không phải thực hiện thủ tục xin gia hạn theo quy định tại Điều 126, Điều 129 Luật đất đai năm 2013, khoản 2 Điều 74 Nghị định 43/2014/NĐ-CP và các văn bản trả lời của Ủy ban thành phố. Tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 974911 vào sổ cấp giấy CNQSD đất số 444/QSDĐ ngày 04/12/ 2000 do UBND thành phố Cẩm Phả cấp cho anh N (sơ đồ thửa đất được trích lục tờ bản đồ địa hình tỷ lệ 1/1.000) không thể hiện số tờ bản đồ, số thửa. Tại công văn số 5113/UBND-TNMT ngày 07/9/2021 của UBND thành phố Cẩm Phả xác định:

"Theo bản đồ địa chính đất lâm nghiệp đo vẽ năm 2009 do Xí nghiệp Tài nguyên - Môi trường 3 đo vẽ thì 25.000m^2 đất lâm nghiệp ông Hà Văn N được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 974911 thuộc các thửa đất số 20, 87 và 173 tờ bản đồ số 4, trong đó:

+ Diện tích 3337,4 m^2 tranh chấp là 1 phần thửa đất số 173 tờ bản đồ số 4;

+ Diện tích 1614,8 m^2 tranh chấp là 1 phần thửa đất số 173 tờ bản đồ số 4.

- Theo bản đồ đo đạc chỉnh lý năm 2017, do thửa đất số 173 có biến động về ranh giới hình thành nên 2 thửa đất do đó đơn vị tư vấn là Văn phòng Đăng ký Đất đai tỉnh Quảng Ninh đã chỉnh lý bản đồ theo hiện trạng và đánh lại số thửa của thửa đất số 173 thành 2 thửa là thửa đất số 856 và thửa 857.

Như vậy, 25.000 m^2 đất lâm nghiệp ông Hà Văn N được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 974911 thuộc các thửa đất số 20, 87 và 856 và 857 (một phần các thửa đất) tờ bản đồ số 4, trong đó:

+ Diện tích 3337,4 m^2 tranh chấp là 1 phần thửa đất số 857 tờ bản đồ số 4;

+ Diện tích 1614,8 m^2 tranh chấp là 1 phần thửa đất số 857 tờ bản đồ số 4;"

Tòa án sẽ lấy các số liệu trong vụ án được cập nhật theo bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 4 (bản đồ đo đạc, chỉnh lý năm 2017) để xác định các số liệu để giải quyết vụ án này.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn xin rút yêu cầu khởi kiện đối với phần diện tích đất và cây ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nguyên đơn được cấp trên diện tích 11.567,8m^2. Xét việc rút yêu cầu trên là tự nguyện nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu đã rút.

[4] Về chi phí tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn xin tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng nên không đề cập giải quyết.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện về việc đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Anh N, chị H phải liên đới chịu án phí đối với nghĩa vụ về tài sản phải thực hiện.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 74; Điều 147; Điều 271; Điều 273, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 166; khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013, Điều 166, Điều 288, 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, 37 luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí của Uỷ ban thường vụ quốc hội;

Xử: 1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hà Văn N: Buộc anh Hà Văn H, chị Đinh Thị H1, chị Hà Thị S, Hà Thị T, Hà Thị L, Hà Thị Y, Hà Thị A, anh Hà Văn U phải trả lại anh Hà Văn N diện tích 4952,2m^2 (với 2 phần đất: Phần diện tích 3337,4m^2 và phần diện tích 1614,8m^2) tại thửa đất số 857 thuộc tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 4 (bản đồ đo đạc, chỉnh lý năm 2017) tại địa chỉ: Cây Sơn, Khe Nứa, xã Cộng Hòa, thị xã Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh (nay là thôn Ngoài, xã Cộng Hòa, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh) đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 974911; số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 444 QSDĐ/ do Ủy ban nhân dân thị xã Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh cấp cho anh Hà Văn N ngày 04/12/2000 thể hiện tại các chỉ giới trên sơ đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 30/11/2020 được giới hạn bởi các điểm (56,57,58,.59,D,E,F,G,H,J,K,56) và (61,62,63,64,65,66,67,68,69,70,71,61) tứ cận đều tiếp giáp với phần đất của UBND xã Cộng Hòa, thành phố Cẩm Phả. (có sơ đồ kèm theo bản án).

2. Anh Hà Văn N và chị Lộc Thị H được quyền sở hữu 1552 cây keo tai tượng trồng trên diện tích 4952,2m^2 đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất anh Hà Văn N được cấp thể hiện tại các chỉ giới trên sơ đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 30/11/2020 được giới hạn bởi các điểm (56,57,58,59,D,E,F,G,H,J,K,56) và (61,62,63,64,65,66,67,68,69,70,71,61). Buộc anh Hà Văn N và chị Lộc Thị H có nghĩa vụ liên đới phải hoàn trả giá trị số 1552 cây keo tai tượng trị giá 25.161.700 đồng (hai mươi năm triệu một trăm sáu mươi mốt nghìn bảy trăm đồng) cho anh Hà Văn H, chị Đinh Thị H, Chị Hà Thị S, chị Hà Thị T, chị Hà Thị L, chị Hà Thị Y, chị Hà Thị A, anh Hà Văn U.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, anh Hà Văn H, chị Đinh Thị H1, chị Hà Thị S, chị Hà Thị T, chị Hà Thị L, chị Hà Thị Y, chị Hà Thị A, anh Hà Văn U có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong số tiền trên, anh N, chị H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu đã rút là phần diện tích đất 11.567,8m2 đất và cây ngoài Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 974911; số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 444 tại địa chỉ: Cây Sơn, Khe Nứa, xã Cộng Hòa, thị xã Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh (nay là thôn Ngoài, xã Cộng Hòa, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh).

4. Về án phí: Anh Hà Văn H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc anh Hà Văn N và chị Lộc Thị H phải liên đới chịu 1.258.000đồng (một triệu hai trăm năm mươi tám nghìn đồng) án phí đối với nghĩa vụ về tài sản phải thực hiện được trừ vào số tiền 1.713.500 đồng(một triệu bảy trăm mười ba nghìn năm trăm đồng) đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0005489 ngày 21/10/2020 tại chi cục thi hành án dân sự thành phố cẩm Phả. Trả lại cho anh Hà Văn N 455.500đồng(bốn trăm năm mươi năm nghìn năm trăm đồng).

"*Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự*".

5. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
-VKSND TP Cẩm Phả;
-TAND tỉnh Quảng Ninh;
-Chi cục THADS TP Cẩm Phả;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ;
-Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Thị Lan Anh